

QUỐC TẾ HÓA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ GÓC NHÌN CỦA GIẢNG VIÊN TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng Dũng⁺,
Lê Thị Trúc Ngọc

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh
+ Tác giả liên hệ: • Email: lehoangdung@hcmussh.edu.vn

Article history

Received: 26/01/2023

Accepted: 08/02/2023

Published: 20/3/2023

Keywords

Curriculum, higher education,
internationalization, teaching
staff, Viet Nam

ABSTRACT

Internationalization of training programs has become a popular trend among universities worldwide. Many studies have also confirmed that a successful internationalized training program requires internationalization of the teaching staff. However, at present, the issue of developing teaching staff to meet the requirements of internationalization of training programs has not received adequate attention at some universities in Vietnam. This slows down the internationalization of training programs at tertiary level in Vietnam compared to other countries in the world and at the same time, the results have not been as expected. Through this article, the author focuses on training program internationalization regarding the teaching staff, including: (1) analyzing some of the key factors in the internationalization of training programs; (2) describing some aspects of internationalization of training programs in some faculties at Vietnam National University, Ho Chi Minh City. Subsequently, the article proposes a number of measures related to the development of the teaching staff to improve the effectiveness of the internationalization of training programs, helping to meet the requirements of the training program internationalization at the examined university in particular, contributing to improving the internationalization efficiency of the national education system in general.

1. Mở đầu

Quốc tế hóa (QTH) tại các cơ sở giáo dục đại học đang trở thành yêu cầu cấp thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một khắt khe về thị trường lao động chất lượng cao trong một thế giới phát triển nhanh như hiện nay. Trong đó, vấn đề QTH chương trình đào tạo (CTĐT) ngày càng được quan tâm sâu sắc và ảnh hưởng lớn đến chất lượng đào tạo, đẳng cấp và thương hiệu của nhà trường. Một trong những vấn đề quan trọng làm nên thành công của QTH CTĐT là việc phát triển đội ngũ giảng viên (GV) đáp ứng yêu cầu của quá trình này. Đây là một trong những vấn đề then chốt nhằm nâng cao chất lượng dạy và học giúp sinh viên (SV) tốt nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế, liên văn hóa và toàn cầu. Bên cạnh đó, mỗi ngành học có những điểm khác biệt, nét văn hóa và giá trị riêng, do đó đặt ra những yêu cầu khác nhau đối với GV trong quá trình QTH CTĐT. Vì vậy, để QTH CTĐT và hỗ trợ SV đạt được chuẩn đầu ra mong đợi thì GV phụ trách từng bộ môn cụ thể phải trở thành trung tâm của quá trình này. Tuy nhiên, vấn đề này lại chưa được quan tâm đúng mức ở một số trường đại học ở Việt Nam hiện nay, dẫn đến những hạn chế trong quá trình QTH CTĐT, kết quả đầu ra chưa đồng đều, thậm chí chưa đạt được chuẩn đầu ra mong đợi.

Bài báo mô tả và phân tích một số yếu tố cốt lõi trong QTH CTĐT tại một số khoa của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; nêu một số thuận lợi và khó khăn cơ bản trong hoạt động QTH CTĐT nhằm đề xuất những biện pháp cần thiết liên quan đến phát triển đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu này.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Những khái niệm cơ bản về quốc tế hóa chương trình đào tạo và quốc tế hóa khóa học

Đội ngũ GV giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược QTH CTĐT. Trong quá trình đó, GV là người tác động trực tiếp, là người thiết kế, biên soạn đề cương môn học và lồng ghép các yếu tố quốc tế vào quá trình dạy và học. Theo McKellin (1996), cần phát triển đề cương môn học với nội dung theo định hướng quốc tế, nhằm chuẩn bị cho SV trong nước cũng như nước ngoài sống và làm việc trong bối cảnh quốc tế và đa văn hóa. Quá trình QTH đề cương môn học liên quan đến việc chuyển tải các quan điểm quốc tế vào các môn học và cung cấp cho SV cơ hội so sánh và đối chiếu các vấn đề trên các quan điểm quốc tế và liên văn hóa, GV có thể định hướng việc học tập và trải

nghiệm quốc tế cho SV. Điều này có nghĩa là GV có thể chọn đề mô hình hóa kiến thức, hành vi và giá trị của một “tư duy quốc tế” hoặc một quan điểm mang tính dân tộc (Paige, 2003, tr 58). Đề QTH đề cương môn học của mình, GV cần có kiến thức, kỹ năng cụ thể và thái độ đối với vấn đề QTH, cũng như được hỗ trợ về chính sách cụ thể (Carter, 1992; Davies, 1992). Quá trình này chú trọng vào cả hoạt động giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá chứ không chỉ là nội dung giảng dạy. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Bond và cộng sự (2003) cho thấy có 80% GV tham gia khảo sát trả lời ở mức “đồng ý” hoặc “rất đồng ý” với khẳng định rằng đội ngũ GV đóng vai trò rất quan trọng trong QTH CTĐT. Nghiên cứu này nêu rõ vai trò quan trọng của đội ngũ GV trong quá trình QTH CTĐT và quá trình học tập của SV. Thái độ của GV đối với các giá trị của những quan điểm quốc tế và yếu tố liên văn hóa trong CTĐT ảnh hưởng rất lớn đến việc học của SV cũng như trong cách GV sẽ thiết kế và triển khai các chiến lược dạy và học cho SV của lớp mình phụ trách.

Có rất nhiều học giả thế giới và trong nước bàn luận về các mặt, các khía cạnh khác nhau của QTH giáo dục nói chung và QTH CTĐT nói riêng. Trên cơ sở tham khảo các khái niệm và định nghĩa khác nhau về QTH giáo dục, định nghĩa về QTH giáo dục của Knight (2011, 2012) đến nay vẫn còn được áp dụng rộng rãi và có ích trong việc tìm hiểu và nghiên cứu sâu về QTH giáo dục ở các trường đại học tại Việt Nam. Năm 2009, Leask, học giả người Úc từ Đại học Latrobe đã tiếp nối và đồng quan điểm với định nghĩa của Knight (2004) về QTH giáo dục đại học; đồng thời nghiên cứu chi tiết hơn và đi sâu vào QTH CTĐT qua định nghĩa “Quá trình QTH CTĐT là quá trình lồng ghép các yếu tố mang tính chất quốc tế, tính chất liên văn hóa, hay tính toàn cầu vào trong nội dung của CTĐT nói chung và cụ thể là mục tiêu đào tạo, kết quả học tập mong đợi, các hình thức kiểm tra, đánh giá, phương pháp dạy học và các dịch vụ hỗ trợ của chương trình đó” (Leask, 2009, tr 209; 2015). Định nghĩa nêu trên của Leask (2015) được xem là một định nghĩa phổ biến và có thể được áp dụng trong việc nghiên cứu về QTH CTĐT tại các nước, trong đó có Việt Nam; và được dùng làm nền tảng lý luận cho công trình nghiên cứu này.

Trọng tâm của quá trình QTH CTĐT đều tập trung vào việc học của SV, giúp SV phát triển góc nhìn mang tính quốc tế và những kỹ năng liên văn hóa. Theo Nguyễn Thị Quỳnh Hương (2020), trong việc QTH khóa học, GV vừa phải giúp người học đáp ứng được khả năng hội nhập, vừa phải giúp họ nâng cao tính ứng dụng trong công việc chuyên môn. GV là người theo sát, hỗ trợ và phản hồi, cả chính thức lẫn không chính thức, về quá trình học tập mang tính hay hướng đến các giá trị quốc tế và liên văn hóa của SV, giúp SV có thể phát huy năng lực ở những cấp bậc khác nhau của CTĐT. Các hoạt động học tập trong từng học phần, môn học, hay khóa học khác nhau trong các năm học của một CTĐT cũng cần được thiết kế sao cho có thể phát triển góc nhìn mang tính quốc tế và những kỹ năng liên văn hóa của SV. Đúc kết từ nền tảng lý luận trên, chúng tôi nhấn mạnh QTH CTĐT từ chuẩn đầu ra đến các hoạt động dạy và học, đồng thời tìm hiểu và trình bày nhận định của các bên liên quan về vấn đề QTH CTĐT để từ đó có những đề xuất phù hợp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo trình bày một phần kết quả của một nghiên cứu điển cứu, thông qua phỏng vấn sâu đại diện 6 lãnh đạo trường và 18 đại diện lãnh đạo các khoa, bộ môn kết hợp khảo sát phi xác suất với 80 GV và trưởng bộ môn từ 18 khoa thuộc 6 trường thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Với 6 trường thành viên này, nhóm nghiên cứu đã chọn 6 khoa (với 6 CTĐT đã từng đạt chuẩn kiểm định chất lượng - được gọi là nhóm đối tượng nghiên cứu A), 6 khoa (với 6 CTĐT chưa từng tham gia kiểm định chất lượng kể cả đánh giá nội bộ - được gọi là nhóm đối tượng nghiên cứu B) và 6 khoa với 6 CTĐT đã tham gia tự đánh giá theo chuẩn kiểm định chất lượng - được gọi là nhóm đối tượng nghiên cứu C), với giả định ban đầu có sự khác biệt về thực tế QTH CTĐT giữa các nhóm. Tác giả chọn tập trung trình bày về khía cạnh QTH khóa học theo nhận định của GV về những hoạt động của mình trong dạy và học; trong việc lồng ghép các yếu tố quốc tế, yếu tố đa văn hóa hay liên văn hóa vào chuẩn đầu ra và hoạt động dạy và học, cũng như các bên liên quan khác từ lãnh đạo trường và cấp khoa.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Vài nét về thực trạng quốc tế hóa chương trình đào tạo qua nhận định của các bên liên quan

Qua tóm tắt kết quả khảo sát (xem bảng 1), đánh giá của GV ở cả 3 nhóm trường về thực trạng, ý thức và năng lực QTH khóa học của GV ở mức khá cao với điểm trung bình (ĐTB) dao động từ 3,26 đến 4,16 khi nhận định về các yếu tố liên quan thực tế QTH khóa học và việc giảng dạy của GV. Tuy có đặc điểm khác nhau về việc tham gia kiểm định chất lượng trong nước và quốc tế, nhưng nhìn chung cả 3 nhóm đều được đánh giá khá tương đồng nhau với mức cao nhất ở tiêu chí về thói quen cập nhật kiến thức về các vấn đề quốc tế và việc sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng (với ĐTB >=4,0). Các tiêu chí về kiến thức và kỹ năng như sự am hiểu, việc sử dụng phương pháp giảng dạy và việc nắm rõ nhu cầu học tập cũng được đánh giá ở mức khá cao nhưng không cao bằng các tiêu chí về thái độ và ý thức đối với vấn đề QTH. Điều này cho thấy về mặt kiến thức và kỹ năng về vấn đề QTH khóa học của

GV ở mức độ khá tốt, nhưng trong đó nổi trội là sự quan tâm và thái độ tích cực đối với việc QTH khóa học của GV. Tuy nhiên, GV đánh giá thấp nhất cho tiêu chí về việc *GV được khoa tổ chức tập huấn và hỗ trợ chuyên môn về QTH CTĐT* (ĐTB dao động từ 3,26-3,46 cho cả 3 nhóm A, B, và C).

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy cả 6 đại diện Ban Giám hiệu 6 trường đều xem việc “*QTH người dạy*” là một yếu tố then chốt, mang tính chất quyết định đối với QTH CTĐT. Trong đó, có 2 hiệu trưởng cho rằng “GV Việt Nam phải đạt được một chuẩn mực nhất định về năng lực giảng dạy, về ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), và năng lực tạo ra được một môi trường học tập trong lớp học theo hướng quốc tế mới có thể xây dựng một môi trường đa văn hóa, xuyên văn hóa cũng như mang tính toàn cầu hóa”.

Bảng 1. Kết quả khảo sát GV tự nhận định về nâng cao năng lực QTH khóa học của bản thân

Nhận định của GV về nâng cao năng lực QTH khóa học của mình	Nhóm A (thuộc nhóm Khoa đã qua kiểm định chất lượng chính thức nước ngoài hoặc đánh giá ngoài Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)			Nhóm B (thuộc nhóm Khoa chưa qua kiểm định chất lượng chính thức nhưng đã đánh giá nội bộ của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)			Nhóm C (thuộc nhóm Khoa chưa qua kiểm định chất lượng chính thức, chưa đánh giá nội bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)		
	Mẫu	ĐTB	ĐLC	Mẫu	ĐTB	ĐLC	Mẫu	ĐTB	ĐLC
Thầy/ Cô được khoa tổ chức tập huấn và hỗ trợ chuyên môn về QTH CTĐT.	31	3.26	0.93	23	3.39	0.84	26	3.46	0.99
Thầy/ Cô am hiểu về các yếu tố quốc tế của chuyên ngành và các ngành nghề liên quan.	31	3.81	0.83	23	3.65	0.88	26	3.81	0.94
Thầy/ Cô nắm rõ nhu cầu học tập, phong cách học tập và kinh nghiệm quốc tế của SV trong khóa học của mình.	31	3.52	0.81	23	3.91	0.85	26	3.69	0.93
Thầy/ Cô sử dụng phương pháp giảng dạy đa dạng nhằm giúp SV hứng thú tìm hiểu về các vấn đề mang tính quốc tế.	31	4.03	0.66	23	4	0.90	26	3.96	0.72
Thầy/ Cô tích cực trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp ở quốc gia khác để nâng cao tính quốc tế của khóa học.	31	3.45	0.89	23	3.74	1.054	26	3.65	0.98
Thầy/ Cô tích cực trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp chuyên ngành khác để nâng cao tính liên ngành của khóa học.	31	3.77	0.85	23	4	0.90	26	3.65	0.89
Thầy/ Cô có thói quen cập nhật kiến thức về các vấn đề quốc tế để vận dụng vào hoạt động giảng dạy	31	4.16	0.73	23	4.13	0.69	26	4.08	0.63
Valid N (listwise)	31			23			26		

Nhìn chung, vấn đề cần lưu ý là phần lớn GV cần được chú trọng hỗ trợ nhiều hơn trong việc QTH từ các bên liên quan. Nguyên nhân có thể kể đến là các vấn đề về chính sách, nhân lực cũng như tài chính. Có thể thấy rằng phần đông GV mong muốn khoa tổ chức nhiều tập huấn và hỗ trợ nhiều hơn về chuyên môn về QTH cũng như tăng cường giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế cho cả GV và SV. Khi trả lời cho các câu hỏi mở, có nhiều GV đề xuất “bổ sung môn học chuyên sâu về QTH trong CTĐT của khoa” (với 30/78 câu trả lời, 38.5%), “bổ sung môn học có khả năng chuyển đổi tín chỉ cao với trường nước ngoài” (với 53/78 câu trả lời, 67.9%), “bổ sung môn học yêu cầu

thực địa tại nước ngoài nhằm tăng hiểu biết của SV về quốc tế” (với 30/78 câu trả lời, 38.5%), “bổ sung các chương trình trao đổi học thuật với đại học trong nước” (với 36/78 câu trả lời, 46.2%), và “bổ sung các chương trình trao đổi học thuật với đại học nước ngoài” (với 60/78 câu trả lời, 76.9%).

2.3.2. Nhận định về thực trạng lồng ghép các yếu tố quốc tế và liên văn hóa

Kết quả khảo sát GV và SV (bảng 2) tại ba nhóm trường A, B, C nêu trên của 6 trường thành viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về thực trạng lồng ghép các yếu tố quốc tế và liên văn hóa vào hoạt động giảng dạy cho thấy cả GV và SV đánh giá ở mức khá tốt với ĐTB_{GV} dao động từ 3,6 đến 4,3 trên thang 5 và ĐTB_{SV} có phần thấp hơn so với GV với dao động từ 3,5 đến 3,9. Trong đó, nhìn chung SV đánh giá khá tương đồng nhau về thực trạng lồng ghép các yếu tố quốc tế và liên văn hóa vào hoạt động giảng dạy; đánh giá cao nhất ở các nội dung về kiến thức, sự am hiểu, vận dụng kiến thức, áp dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng; tuy nhiên đánh giá thấp nhất ở nội dung *giảng dạy bằng tiếng nước ngoài và việc mời diễn giả trong nước và quốc tế chia sẻ*. Phần đông SV mong muốn các khoa sẽ tăng cường sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động giảng dạy và đồng thời đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế.

Đối với nhóm trường A, GV đánh giá khá tốt và hầu như không có thay đổi nhiều giữa các tiêu chí (ĐTB_{GV} dao động từ 3,77-3,9). SV đánh giá khá cao việc vận dụng kiến thức cập nhật về các vấn đề quốc tế và sử dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng và đồng thời am hiểu về các yếu tố quốc tế của chuyên ngành và các ngành nghề liên quan trong quá trình giảng dạy (với Mean lớn hơn 3,8). Tuy nhiên, SV đánh giá thấp nhất việc sử dụng tiếng nước ngoài trong giảng dạy (ĐTB_{SV} = 3,56). Đối với nhóm C, GV đánh giá khá cao tiêu chí về việc khuyến khích SV quốc tế/sinh viên có kinh nghiệm quốc tế chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm (ĐTB_{GV} = 4,04). GV đánh giá thấp nhất với tiêu chí về việc mời diễn giả quốc tế hoặc trong nước chia sẻ (ĐTB_{GV} = 3,69) và tiêu chí về việc giảng dạy bằng tiếng nước ngoài (ĐTB_{GV} = 3,77). Cũng đồng quan điểm với GV, SV cũng đánh giá thấp nhất ở hai tiêu chí này, nhưng khác với GV, SV đánh giá khá cao tiêu chí về sự am hiểu, phương pháp giảng dạy và vận dụng kiến thức cập nhật về QTH.

Điều đặc biệt đối với nhóm B, GV đánh giá cao tiêu chí về việc giảng dạy bằng tiếng ngoài (ĐTB = 4,3) nhưng đánh giá thấp nhất ở tiêu chí về việc mời diễn giả quốc tế/ diễn giả trong nước có kinh nghiệm quốc tế chia sẻ (ĐTB=3,69). Trong khi đó, SV đánh giá thấp ở cả hai tiêu chí này với ĐTB ở mức 3,53 -3,60. Điều này chứng tỏ phần lớn ở các trường chưa qua kiểm định chất lượng chính thức nhưng đã đánh giá nội bộ của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, vấn đề QTH khóa học được chú trọng thông qua việc giảng dạy bằng tiếng nước ngoài nhưng điều này chưa thật sự hiệu quả theo nhận định của SV. Bên cạnh đó, nhìn chung các đơn vị cần đẩy mạnh giao lưu, trao đổi học thuật nhằm tăng cường yếu tố quốc tế và liên văn hóa trong hoạt động giảng dạy.

Bảng 2. Nhận định của SV về việc lồng ghép các yếu tố quốc tế và liên văn hóa vào hoạt động giảng dạy

Nhận định của SV về việc lồng ghép các yếu tố quốc tế và liên văn hóa vào hoạt động giảng dạy	Nhóm A (thuộc nhóm Khoa đã qua kiểm định chất lượng chính thức nước ngoài hoặc đánh giá ngoài Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)			Nhóm B (thuộc nhóm Khoa chưa qua kiểm định chất lượng chính thức nhưng đã đánh giá nội bộ của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)			Nhóm C (thuộc nhóm Khoa chưa qua kiểm định chất lượng chính thức, chưa đánh giá nội bộ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)		
	Mẫu	ĐTB	ĐLC	Mẫu	ĐTB	ĐLC	Mẫu	ĐTB	ĐLC
GV phổ biến rõ mục tiêu môn học có liên quan đến tính quốc tế cho SV từ đầu khóa học.	576	3.76	0.91	452	3.74	0.88	554	3.78	0.86
GV thể hiện sự am hiểu về các yếu tố quốc tế của chuyên ngành và các ngành nghề liên quan trong quá trình giảng dạy.	576	3.83	0.9	452	3.74	0.87	554	3.86	0.83
GV nắm rõ nhu cầu học tập, phong cách học tập và kinh nghiệm quốc tế của SV trong khóa học của mình.	576	3.76	0.97	452	3.71	0.92	554	3.76	0.84

GV sử dụng phương pháp giảng dạy đa dạng nhằm giúp sinh viên hứng thú tìm hiểu về các vấn đề mang tính quốc tế.	576	3.84	0.93	452	3.72	0.92	554	3.82	0.89
GV lồng ghép kiến thức từ các nền văn hóa khác vào nội dung giảng dạy.	576	3.79	0.93	452	3.67	0.96	554	3.77	0.87
GV vận dụng kiến thức cập nhật về các vấn đề quốc tế vào hoạt động giảng dạy.	576	3.9	0.89	452	3.75	0.91	554	3.86	0.85
GV thiết kế các hoạt động có tính quốc tế trong khóa học.	576	3.72	0.95	452	3.64	0.93	554	3.71	0.88
GV khuyến khích SV quốc tế/ hoặc SV có kinh nghiệm quốc tế chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm liên quan bài học.	576	3.75	0.99	452	3.64	0.95	554	3.74	0.92
GV mời diễn giả quốc tế hoặc diễn giả trong nước có kinh nghiệm quốc tế chia sẻ trong khoá học.	576	3.71	1.07	452	3.6	0.98	554	3.67	0.96
GV giảng dạy bằng tiếng nước ngoài.	576	3.56	1.05	452	3.53	0.99	554	3.64	0.98
Valid N (listwise)	576			452			554		

Theo nhận định của SV, phần lớn GV có sự am hiểu về chuyên môn, kiến thức với phương pháp giảng dạy đa dạng để vận dụng cập nhật vấn đề QTH trong quá trình giảng dạy. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng, tập huấn cũng như sự hỗ trợ từ các bên liên quan về vấn đề QTH cần được nhiều sự quan tâm và đẩy mạnh trong quá trình QTH CTĐT. Bên cạnh đó, cần có những chế độ khuyến khích và quy định cụ thể nhằm tăng cường việc sử dụng ngoại ngữ trong quá trình giảng dạy giúp SV dễ dàng và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các vấn đề quốc tế và liên văn hóa trong quá trình học tập. Báo cáo so sánh chi tiết của công trình nghiên cứu này giữa ba nhóm khoa và trường cho thấy những khoa đã qua kiểm định chất lượng chính thức có mức độ QTH các khóa học và QTH CTĐT tốt hơn so với các khoa chưa qua kiểm định chất lượng. Những khoa đang trong quá trình chuẩn bị hoặc vừa được đánh giá nội bộ cũng đã có những chuẩn bị tốt hơn cho việc QTH CTĐT hay khóa học tốt hơn so với khoa chưa qua đánh giá nội bộ hay kiểm định chất lượng chính thức. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy kiểm định chất lượng quốc tế về CTĐT có vai trò rất lớn trong việc tạo điều kiện tiền đề cũng như tạo lực đẩy cho việc QTH CTĐT nói chung và QTH các khóa học của GV nói riêng.

2.4. Một số đề xuất trong hoạt động quốc tế hóa chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Từ những phân tích trên, chúng tôi đề xuất một số yêu cầu trong hoạt động QTH CTĐT tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- *Đối với Nhà trường*: cần tuyển dụng hoặc có kế hoạch bồi dưỡng chuyên sâu cho các GV có khả năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh), nhằm đáp ứng yêu cầu về QTH CTĐT, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, viên chức nhằm tập trung nguồn lực, phát huy năng lực cá nhân; xây dựng cơ chế khuyến khích và các chế độ ưu đãi dành cho cán bộ, viên chức được cử đi học Thạc sĩ, Tiến sĩ và các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài; và cần có quy định, quy chế về sử dụng ngoại ngữ thường xuyên tại cơ quan, đơn vị để cán bộ, GV có điều kiện phát triển khả năng về ngôn ngữ, trong đó, GV phải tăng cường thời lượng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động giảng dạy.

Nhà trường cũng cần tăng cường bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn QTH trong và ngoài nước; xây dựng mô hình bồi dưỡng năng lực quốc tế phù hợp với đội ngũ GV ở mỗi chuyên ngành, cần đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, cơ chế bồi dưỡng linh hoạt, tạo điều kiện CB và GV tham gia bồi dưỡng hiệu quả; tạo điều kiện cho cán bộ trẻ học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài; đồng thời tăng cường trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động giảng dạy bằng ngoại ngữ và bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV; đẩy mạnh mời các chuyên gia có uy tín trong và ngoài nước hướng dẫn, tập huấn, và chia sẻ chuyên đề bằng tiếng nước ngoài; tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế hoặc hội thảo có yếu tố nước ngoài để tạo môi trường quốc tế cho GV và SV nâng cao năng lực quốc tế và liên văn hóa.

- *Đối với các Khoa đào tạo*: cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo chuyên môn sâu cho đội ngũ GV tại các cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài; tăng cường thực hiện việc trao đổi cán bộ, GV và SV với các cơ sở đào tạo nước ngoài có quan hệ với Khoa và Nhà trường; quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, GV có khả năng giảng dạy ngoại ngữ và giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài, đáp ứng yêu cầu QTH CTĐT.

- Đối với GV: cần tích cực rèn luyện và tăng cường sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tham gia các hội thảo quốc tế, diễn đàn trao đổi chia sẻ thông tin về chuyên môn, học thuật; chủ động tham gia các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, thường xuyên học tập, tự nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ, cố gắng thích nghi với khả năng tư duy bằng ngoại ngữ (chủ yếu bằng tiếng Anh, nhất là đối với các ngành không đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành) trong các hoạt động chuyên môn để không ngừng nâng cao năng lực và khả năng thích ứng với môi trường làm việc quốc tế để từ đó giúp đào tạo SV thích ứng môi trường làm việc quốc tế và đa văn hóa. GV cần chủ động nhìn và giải quyết các vấn đề trong giảng dạy và xây dựng môi trường học tập và giảng dạy (dù là trực tiếp hay là trực tuyến) mang tính đa văn hóa, tính toàn cầu hóa, tính liên ngành nhằm giúp hội nhập được tốt hơn.

3. Kết luận

Để QTH CTĐT và khóa học đạt mục tiêu giúp SV đạt được chuẩn đầu ra mong đợi thì GV phụ trách các môn học cụ thể phải trở thành trung tâm của quá trình này. Qua đó, đội ngũ GV cần được phát triển thông qua các chính sách và thực tiễn liên quan đến việc tuyển chọn GV, chính sách khen thưởng, công nhận đối với GV về vấn đề QTH. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo bồi dưỡng GV và hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để đạt được các mục tiêu QTH khóa học đã đề ra. Điều quan trọng hơn hết là nhà trường cần thu hút và đào tạo nhiều GV tích cực tham gia vào quá trình QTH CTĐT nói chung và QTH khóa học nói riêng. Vì thế, GV phải được khuyến khích và hỗ trợ tích cực từ lãnh đạo và quản lý các cấp. Bài báo đã cho thấy vai trò quan trọng và tính cấp thiết phải QTH môn học hay khóa học như là một phần thiết yếu trong quá trình QTH CTĐT nói chung. Hơn bao giờ hết sự chủ động phân tích, nhận định và cải tiến chính quá trình giảng dạy của GV và việc GV chủ động nâng cao chuyên môn đáp ứng yêu cầu của QTH môn học và là yếu tố quan trọng quyết định đến sự thành công của QTH CTĐT.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự tài trợ của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài “Quốc tế hóa chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: Đề xuất mô hình phát triển bền vững”, mã số: C2020-18b-06.

Tài liệu tham khảo

- Bond, S. L., Qian, J., & Huang, J. (2003). The Role of Faculty in Internationalizing the Undergraduate Curriculum and Classroom. *CBIE Research Millennium Series No. 8*. ED549872.
- Carter, H. M. (1992). *Bridges to the Future: Strategies for Internationalizing Higher Education*. Association of International Education Administrators. <https://eric.ed.gov/?id=ED362112>
- Davies, J. (1992). Developing a strategy for internationalization in universities: towards a conceptual framework. In C. Klasek (Ed.) *Bridges to the future: Strategies for internationalizing higher education*, (pp. 177-190). Carbondale: Association of International Education Administration.
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2016). *Kế hoạch chiến lược của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh 2016-2020*.
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2021). *Kế hoạch chiến lược của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh 2021-2025*.
- European Union (2015). *Internationalisation of higher education: A study for the European parliament*. EU.
- Internationalisation of higher education: A study for the European parliament.
- Knight, J. (2011). Education Hubs: A Fad, a Brand, or an Innovation. *Journal for Studies in International Education*, 15 (3), 221-40.
- Knight, J. (2012). *Internationalization: Three Generations of Cross border Higher Education*. Indian International Center.
- Leask, B. (2009). Using formal and informal curricula to improve interactions between home and international students. *Journal of Studies in International Education*, 13(2), 205-221.
- Leask, B. (2015). *Internationalizing the curriculum*. Routledge.
- Nguyễn Thị Quỳnh Hương (2020). *Phát triển đội ngũ giảng viên tại cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam*. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phan-trien-doi-ngu-giang-vien-tai-co-so-giao-duc-dai-hoc-tai-viet-nam-68005.htm>
- McKellin, K. (1996). *Anticipating the Future: Workshops and Resources for Internationalizing Post-Secondary Education*. Vancouver: B.C. Centre for International Education.
- Paige, R. M. (2003). The intercultural development inventory: A critical review of the research literature. *Journal of Intercultural Communication (SIETAR-JAPAN)*, 6, 53-61.